

Bản án số: 116/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 11 - 2020
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Trần Mộng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quốc Tiến;

2. Bà Chung Kim Sang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Bắc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

Ngày 13 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 435/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2020/QĐXX-ST ngày 02 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Chị Trần Thị C**, sinh năm 1985, (có mặt).

ĐKTT: Ấp Minh T A, xã M, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở: 9C/8 T, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* **Anh Nguyễn T**, Tên gọi khác: Tuấn; sinh năm 1985, (có mặt).

Địa chỉ: 177 V, khu phố R, phường V, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn - chị Trần Thị C:* Chị C và anh Nguyễn T tự nguyện đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V T, tỉnh Kiên Giang. Trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc. Anh T không chăm lo gia đình và đánh đập chị C khi vợ chồng xảy ra cãi vã. Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn vì hiện tại vợ chồng đã không còn sống chung với nhau. Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Kim C, sinh ngày 07/11/2007 chị C yêu cầu được nuôi con

chung không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung.

** Bị đơn - anh Nguyễn T trình bày:* Anh T và chị Trần Thị C tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V huyện V T, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng có những mâu thuẫn trong hôn nhân, nhưng không đến mức phải ly hôn. Anh T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu chị C và không đồng ý giao cháu Kim C để chị C nuôi dưỡng. Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị C khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn T có nơi cư trú tại 177 V, phường V, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là vụ việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị C: Chị Trần Thị C và anh Nguyễn T tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Ủy ban nhân dân xã V, huyện V T, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn cho anh chị ngày 26/8/2009 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị C khởi kiện xin ly hôn anh T với lý do: Vợ chồng thường xảy ra cãi vã và anh T có hành vi đánh đập chị C. Anh T không thống nhất lý do xin ly hôn của chị C và không đồng ý ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh T đã được Tòa án hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C.

[3] Về con chung: Chị C anh T có 01 người con chung là cháu Nguyễn Kim C, sinh ngày 07/11/2007. Chị C và anh T đều có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Kim C. Tuy nhiên, việc giao con chung cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con, nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Xét hiện tại cháu Kim C đang sống chung với chị C, cháu đang phát triển bình thường về thể chất, tinh thần. Đồng thời tại biên bản ghi ý kiến và tại phiên tòa sơ thẩm cháu Kim C có nguyện vọng sống cùng mẹ. Do đó cần giữ nguyên môi trường sống tạo điều kiện cho cháu Kim C được phát triển tốt, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Kim C cho chị C nuôi dưỡng. Anh T có quyền,

nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung không ai được cản trở. Trường hợp nếu chị C không đủ điều kiện nuôi con thì anh T có quyền làm đơn thay đổi người nuôi con để được xem xét, giải quyết.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Do chị C là người trực tiếp nuôi con không có yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị C anh T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí:* Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị C phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008460 ngày 16/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá. Chị C đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trần Thị C.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị C được ly hôn với anh Nguyễn T (T).

2. *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Kim C, sinh ngày 07/11/2007 cho chị Trần Thị C nuôi dưỡng. Chị C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3: *Tài sản chung, nợ chung:* Chị C, anh T xác định không có.

4. *Về án phí ly hôn:* Chị C phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008460 ngày 16/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá. Chị C đã nộp đủ.

5. *Quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tp. Rạch Giá;
- Chi cục THADS tp. Rạch Giá;
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Trần Mộng Thúy